

Số: 1885/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình
Rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới
sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng
và các tổ chức cá nhân khác sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường
quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị Quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các Công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường;

Căn cứ Quyết định 686/QĐ-TTg, ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình, kế hoạch của Chính phủ về việc thực hiện Nghị Quyết số 30-NQ/TW; Công văn số 539/VPCP-KTTH ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về việc xác định nhu cầu kinh phí đo đạc lập bản đồ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất đối với các Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 27/12/2014 của Chính phủ về việc về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2773/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 02/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, đo đạc bản đồ địa chính, cấp GCN cho các Công ty nông, lâm nghiệp; Công văn số 1215/BTNMT-TCQLĐĐ, ngày 07/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tiếp tục rà soát, phê duyệt Phương án sử dụng đất, TKHT-DT lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc lập bản đồ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất cho các Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2574/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 28/6/2016 của Tổng cục Quản lý đất đai về thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng;

Căn cứ Công văn số 1246/TCQLĐĐ-CKKĐĐ ngày 12/7/2016 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc hướng dẫn đề cương chi tiết xây dựng Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh;

Căn cứ Công văn số 4854/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 10/9/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Phê duyệt đề án tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Công văn số 1502/TCQLĐĐ-CKĐĐ ngày 18/05/2020 của Tổng cục Quản lý đất đai V/v góp ý đối với TKKT-DT đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh BRVT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~419.X~~/TTr-STNMT ngày ~~01~~ tháng 7 năm 2020 về việc đề nghị điều chỉnh đề án Tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh và phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình Rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức cá nhân khác sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giai đoạn 1) và văn bản số 1618/STC-TCHCSN ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Sở Tài chính về việc thiết kế kỹ thuật và dự toán Đề án Tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình Rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức cá nhân khác sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giai đoạn 1), với những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức cá nhân khác sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giai đoạn 1)

2. Cơ quan quản lý: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Đơn vị tư vấn thiết kế kỹ thuật – dự toán: Công ty TNHH đo đạc Đông Hải.

5. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Điều tra, nắm chắc thực trạng; hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật, pháp lý; hoàn thành các thủ tục hành chính; kiểm tra, kiểm soát, thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật; xử lý các vi phạm; hướng đến việc quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả và phát triển bền vững đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/1014/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đối với nhiệm vụ xác định, cắm mốc, đo đạc lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường: Xác định rõ hiện trạng sử dụng đất từ đó xác định cụ thể diện tích nào đơn vị giữ lại để quản lý sử dụng, diện tích nào đề nghị trả về cho địa phương quản lý, lập hồ sơ ranh giới, mốc giới sử dụng đất.

- Đối với nhiệm vụ đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với phần diện tích đề nghị trả về cho địa phương quản lý, cấp Giấy chứng nhận cho các tổ chức theo phương án sử dụng đất đã được các sở, ban, ngành thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt, cập nhật vào cơ sở dữ liệu địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Phạm vi: Xác định ranh giới, cắm mốc giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất đối với các tổ chức đang sử dụng đất vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp và các tổ chức thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu- Phước Bửu; Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Miền Đông Nam Bộ; Các công ty lâm nghiệp và các tổ chức hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp (Công ty cổ phần cao su Thống Nhất; Công ty cổ phần cao su Hòa Bình; Công ty cổ phần nông nghiệp Hòa Lâm; Công ty cổ phần Phát triển công viên cây xanh và đô thị Vũng Tàu; Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

7. Khối lượng, giá trị thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình: theo Phụ lục 01, Phụ lục 02.

8. Tổng giá trị dự toán: 11.743.868.665 đồng (*Mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

9. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

10. Thời gian thực hiện: 15 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Chi tiết theo thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình do Công ty TNHH đo đạc Đông Hải lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình Rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức cá nhân khác sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giai đoạn 1) đã được duyệt, bảo đảm thực hiện đúng các quy trình hiện hành của Nhà nước và trong phạm vi dự toán kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm giám sát, nghiệm thu khối lượng công việc theo tiến độ; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện tương ứng với đơn giá công việc và giá trị thanh quyết toán theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính bố trí kinh phí và hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

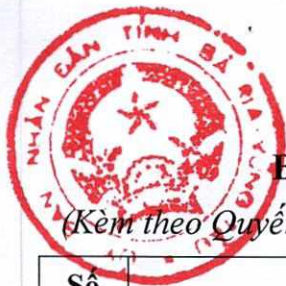
Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VP, TH.



Lê Tuấn Quốc



PHỤ LỤC 01

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 4885.../QĐ-UBND ngày ...10.../.../2020 của UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất		
I.1	Công tác chuẩn bị	nông (lâm) trường	9
I.2	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc, các điểm đặc trưng	km	762
I.3	Cắm mốc ranh giới		1.532
I.4	Lập Bản xác nhận đường ranh giới sử dụng đất	km	762
I.5	Lập bản đồ ranh giới và hoàn thiện hồ sơ ranh giới	Mảnh	144
II	Đo đạc thành lập bản đồ địa chính		
	Đo vẽ bản đồ địa chính (tỷ lệ 1/2.000)	Ha	73,38
III	Đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất	Hồ sơ	24
IV	Phương án sử dụng đất	Hồ sơ	9
V	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính		
	Số thửa hiện đã cấp GCN	thửa	-
	Số thửa dự kiến cấp	thửa	24
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Thửa	24
2	Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính gắn với xây dựng dữ liệu không gian		-
2.1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền	Xã	43
2.2	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính	Thửa	24
3	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa	24
4	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin		24
4.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	trang A4	24
4.2	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	thửa	24
5	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	thửa	24
6	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính	thửa	24



PHỤ LỤC 02
BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 1885.../QĐ-UBND ngày 10.../7.../2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục công việc	Thành tiền (đồng)		
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Tổng
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	1.853.798.355	6.713.386.093	8.567.184.448
I	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất	1.792.918.636	6.346.284.966	8.139.203.602
II	Đo vẽ bản đồ địa chính	60.879.719	18.660.779	79.540.498
III	Đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất		32.532.612	32.532.612
IV	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận		315.907.736	315.907.736
B	CHI PHÍ CHUNG	463.449.589	1.007.007.914	1.470.457.503
C	CHI PHÍ KHÁC	366.514.473	1.186.284.128	1.552.798.601
1	Chi phí khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán	48.384.137	171.700.130	220.084.267
2	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	74.151.934	204.885.986	279.037.920
3	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	30.112.926		30.112.926
4	Chi phí kiểm toán	109.367.178		109.367.178
5	Thuế giá trị gia tăng VAT 10% (A+B+C1+C2+C3+C4)	257.926.412	809.698.012	1.067.624.424
	TỔNG DỰ TOÁN (A+B+C)	2.837.190.531	8.906.678.135	11.743.868.665